

Số: /BC-UBND

Vũ Muộn, ngày tháng 5 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả công tác trẻ em 6 tháng đầu năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022**

Thực hiện Công văn số 741/UBND-LĐT&XH ngày 04 tháng 5 năm 2022 của UBND huyện Bạch Thông về việc báo cáo định kỳ công tác trẻ em 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022. Ủy ban nhân dân xã Vũ Muộn báo cáo kết quả công tác trẻ em 6 tháng đầu năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 cụ thể như sau:

#### **I. Đặc điểm tình hình**

Vũ Muộn là xã vùng cao của huyện Bạch Thông, nằm ở phía Bắc của huyện cách trung tâm huyện 18km, có diện tích tự nhiên 3842,31ha, có 434 hộ, với 1.698 nhân khẩu. Tỷ lệ hộ nghèo toàn xã hiện có 169/434 hộ, chiếm 38,9%, hộ cận nghèo có 25/434 hộ chiếm 5,76% có 5 dân tộc cùng sinh sống.

Trong 6 tháng đầu năm, công tác trẻ em luôn nhận được sự lãnh đạo của cấp Ủy đảng, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể xã cùng sự tham gia tích cực của bà con nhân dân trong toàn xã. Vì vậy việc thực hiện các hoạt động trẻ em của xã luôn được duy trì và thường xuyên hoạt động.

#### **II. Kết quả thực hiện**

##### **1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, giám sát, đánh giá thực hiện quyền trẻ em**

Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về quyền trẻ em đã được chính quyền địa phương, các ngành, đoàn thể chủ động hơn trong công tác hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai thực Luật Trẻ em và các văn bản pháp luật liên quan đến trẻ em do Trung ương và tỉnh, huyện ban hành. Theo đó UBND xã thường xuyên chỉ đạo Công chức Văn hóa - xã hội phối hợp với Cán bộ phụ trách Đài truyền thanh tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về trẻ em và thực hiện quyền trẻ em qua hệ thống Đài Truyền thanh xã, tiếp phát sóng các chương trình của Trung ương, tỉnh, huyện về việc thực hiện Quyền trẻ em.

##### **2. Công tác bảo vệ trẻ em (ở 3 cấp độ)**

Cấp Ủy, chính quyền địa phương luôn quan tâm đến công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em trên địa bàn. Việc tuyên truyền thực hiện Luật Trẻ em đã được triển khai thực hiện, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các em được phát triển. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền về thực hiện quyền trẻ em được chú trọng và thực hiện thường xuyên.

##### **3. Công tác chăm sóc trẻ em**

- Tỷ lệ trẻ em tham gia tiêm chủng mở rộng: 100%;
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ: 22,1%
- Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT: 100%.

#### **4. Công tác giáo dục trẻ em**

- Tỷ lệ trẻ em đi học mẫu giáo: 100%.
- Tỷ lệ trẻ em nhập học đúng độ tuổi: 100%.
- Tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học: 100%;
- Tỷ lệ tốt nghiệp THCS: 100%.

#### **5. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em**

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được xã quan tâm tổ chức.

#### **6. Thực hiện quyền tham gia của trẻ em**

Thường xuyên phối hợp cùng nhà trường trang bị kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền tham gia của trẻ em, tổ chức tuyên truyền Luật trẻ em và các kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích, các biện pháp phòng tránh bị xâm hại cho trẻ em.

#### **7. Hoạt động của Quỹ bảo trợ trẻ em**

Hàng năm UBND xã ban hành kế hoạch vận động Quỹ Bảo trợ trẻ em, việc sử dụng Quỹ được thực hiện theo đúng Quy chế đã đề ra và đúng các đối tượng được thụ hưởng.

#### **8. Tổng kinh phí đầu tư cho công tác trẻ em trong năm.**

*(Phân số liệu theo phụ lục 5, 6, 7)*

### **III. Đánh giá kết quả đạt được**

#### **1. So sánh kết quả, hiệu quả so với cùng kỳ năm 2021**

- Luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của các phòng, ban, ngành đoàn thể cùng với sự tham gia hưởng ứng nhiệt tình của các tầng lớp nhân dân, công tác Bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn huyện không ngừng được quan tâm và đạt được kết quả cao hơn năm trước.

- Công tác Bảo vệ xây dựng môi trường sống an toàn và lành mạnh cho trẻ em được chú trọng hơn, đời sống văn hóa, tinh thần, vui chơi, giải trí, phúc lợi xã hội và các quyền dành cho trẻ em ngày càng được đảm bảo.

- Việc phòng chống tai nạn thương tích ở trẻ em ngày càng tốt hơn, trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích không có.

#### **2. Những tồn tại, hạn chế**

- Điều kiện tiếp cận thông tin, tham gia bày tỏ ý kiến và các hoạt động phù hợp với trẻ em còn nhiều hạn chế, các thiết chế văn hóa chưa đảm bảo cho các hoạt động vui chơi của trẻ em.

- Nguồn lực xã hội dành cho công tác trẻ em còn hạn chế chưa đáp ứng trong việc tổ chức các hoạt động vui chơi văn hóa, thể dục thể thao cho trẻ em. Chưa tổ chức được nhiều các Hội thi thể thao văn hóa, văn nghệ cho trẻ em.

### **3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành, tác động khách quan,...)**

- Sự tham gia của các đoàn thể ở nhiều nơi còn mang tính hình thức; sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, các đoàn thể và xã hội còn thiếu chặt chẽ.

- Công tác thanh tra, kiểm tra giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách chưa được thường xuyên.

### **IV. Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022**

- Tiếp tục thực hiện tốt các mục tiêu tại kế hoạch thực hiện chương trình Bảo vệ chăm sóc trẻ em.

- Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.

- Tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác Bảo vệ chăm sóc trẻ em do cấp trên tổ chức.

- Thực hiện tốt vận động xã hội hóa các nguồn lực dành cho trẻ em.

- Phối hợp cùng các ngành, đoàn thể tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho trẻ em.

Trên đây là báo cáo công tác Bảo vệ, chăm sóc trẻ 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của Ủy ban nhân dân xã Vũ Muộn./.

#### **Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

- Phòng Lao động - TB&XH huyện;

- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;

*Gửi bản giấy:*

- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đinh Như Hiếu**

# THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM

Xã: Vũ Muộn

Mẫu số 01/TE

Kỳ báo cáo: 2 lần/năm

Ngày báo cáo: 20/5 và 10/11

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	6 tháng đầu năm/năm 2022
<b>I</b>	<b>Dân số trẻ em</b>		
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	363
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%	21,4
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	94
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	5,5
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	Người	94
	Trong đó:		
	Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế	Người	94
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	59
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%	3,5
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em</b>		
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	
	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	
	- Xã, phường, thị trấn (nguồn triển khai tại cấp xã, không tính nguồn do cấp tỉnh, huyện phân bổ cho cấp xã)	Triệu đồng	
2	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	
2.1	Vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp xã	Triệu đồng	
2.2	Nguồn từ các tổ chức quốc tế	Triệu đồng	
<b>III</b>	<b>Số người làm công tác trẻ em các cấp</b>		
1	Cấp xã (Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã)	Người	1
2	Cộng tác viên tại thôn, bản, tổ phố	Người	0
<b>IV</b>	<b>Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em</b>		
1	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên làm công tác trẻ em tại thôn, bản, khối phố được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		
1.1	Số lớp	Lớp	
1.2	Số lượt người	Lượt	
2	Số lớp, số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
2.1	Số lớp	Lớp	
2.2	Số lượt trẻ em	Lượt	
3	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu, mục tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>6 tháng đầu năm/năm 2022</b>
<b>V</b>	<b>Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội</b>		
1	Số lượt người được truyền thông trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt	
2	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương		
	Trong đó:		
2.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	CT	
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Đầu CT, CM	
3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/ sự kiện	
<b>VI</b>	<b>Tháng hành động vì trẻ em</b>		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn giảm phí	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp huyện, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
<b>VII</b>	<b>Diễn đàn trẻ em các cấp</b>		
1	Số diễn đàn trẻ em các cấp huyện	Cuộc	
	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	
2	Số diễn đàn trẻ em các cấp xã	Cuộc	
	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	

**Người lập biểu**

**Lãnh đạo phê duyệt**

**Phụ lục 6**  
**THÔNG KÊ VỀ HỆ THỐNG BẢO VỆ TRẺ EM**  
**Xã Vũ Muộn**

Mẫu số 02/TE

Kỳ báo cáo: 2 lần/năm

Ngày báo cáo: 20/5 và 10/11

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu, mục tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>6 tháng đầu năm/năm 2022</b>
<b>I</b>	<b>Cấu trúc, tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em</b>		
1	Số xã, phường, thị trấn có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	1
2	Số xã, phường, thị trấn có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	
3	Số xã, phường, thị trấn có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác trẻ em ở thôn/bản/khối phố	Xã	1
<b>II</b>	<b>Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em</b>		
1	Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp huyện		
1.1	<i>Cơ sở công lập (bao gồm cả các cơ sở trợ giúp xã hội có trẻ em):</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	+ Số cán bộ quản lý điều hành, hỗ trợ, phục vụ	Người	
	+ Số cán bộ trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ của cơ sở	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý.	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được nuôi dưỡng, được hưởng các chính sách hỗ trợ xã hội hàng tháng.		
	- Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ quản lý theo dõi (có danh sách/kế hoạch hỗ trợ can thiệp)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
1.2	<i>Cơ sở ngoài công lập:</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu, mục tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>6 tháng đầu năm/năm 2022</b>
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	+ Số cán bộ quản lý điều hành, hỗ trợ, phục vụ	Người	
	+ Số cán bộ trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ của cơ sở	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý.	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được nuôi dưỡng, được hưởng các chính sách hỗ trợ xã hội hàng tháng.		
	- Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ quản lý theo dõi (có danh sách/kế hoạch hỗ trợ can thiệp)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
2	Tổ chức tập huấn/bồi dưỡng kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ (công lập và ngoài công lập)		
	- Số lớp tập huấn/bồi dưỡng	Lớp	
	- Số cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ được tập huấn/bồi dưỡng (công lập và ngoài công lập).	Người	
3	Huyện, thị xã, thành phố có Trung tâm công tác xã hội hoặc có văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện	Có/không	
4	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm	
5	Số điểm tư vấn trường học	Điểm	

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Lãnh đạo phê duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phụ lục 7**

**THỐNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT**  
*Xã Vũ Muộn*

Mẫu số 03/TE

Kỳ báo cáo: 2 lần/năm

Ngày báo cáo: 20/5 và 10/11

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
a	B	1	2	3	4	5	6	7	9
<b>I</b>	<b>Dân số trẻ em</b>								
1	Trẻ em dưới 16 tuổi	363	100			363			
	Trong đó:								
1.1	Nam	199	100			199			
1.2	Nữ	164	100			164			
1.3	Dân tộc:								
	- Dân tộc Kinh	4	100			4			
	- Dân tộc khác	359	100			359			









TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
			Người		%	Người	Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
	của pháp luật								
3.13	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người thân thích								
3.14	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người không thân thích								
3.15	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE								
4	Trẻ em khuyết tật	08							
4.1	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng	1							
4.2	Trẻ em khuyết tật nặng	2							
4.3	Trẻ em khuyết tật nhẹ	5							
4.4	Các dạng tật								
	-Trẻ em khuyết tật vận động	2							
	-Trẻ em khuyết tật nghe, nói								
	-Trẻ em khuyết tật nhìn								
	-Trẻ em khuyết tật thần kinh, tâm thần								
	-Trẻ em khuyết tật trí tuệ	6							















TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
			Người	%	Người	Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
	- Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích								
	+ Trong đó: số trẻ em tử vong do đuối nước								

..... ngày..... tháng..... năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Lãnh đạo phê duyệt**  
(Ký, ghi rõ họ tên)